TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày 20-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lẫy

Ông Vũ Văn Hóa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Tâm – Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM ngày 05/6/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 815/2018/QĐST-KDTM ngày 06/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 986/2018/QĐST-KDTM ngày 01/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần D. (Gọi tắt là Công ty D); địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Đức C – Giám đốc. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H (Gọi tắt là Bệnh viện H); địa chỉ: Số 136 đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Thuần O – Giám đốc. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty Cổ phần Q (Gọi tắt là Công ty Q);

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 đường Đ, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ liên hệ: Số 136 + 138 đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N – Giám đốc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13/12/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần D. được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104037766 đăng ký lần đầu ngày 06/7/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 01/11/2013 Bệnh viện H và Công ty D ký Hợp đồng kinh tế số 26/2013/HĐKT về việc cung ứng thuốc y học cổ truyền năm 2013. Tại Hợp đồng kinh tế này hai bên đã thống nhất thỏa thuận: Công ty D bán cho Bệnh viện H các vị thuốc y học cổ truyền đã được chế biến thành thuốc phiến được Bộ y tế cho phép lưu hành trên toàn quốc và đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam VI và tiêu chuẩn cơ sở. Hai bên đã thống nhất thỏa thuận về giá, chất lượng, phương thức giao – nhận hàng, địa điểm giao hàng, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên…hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã thực hiện hợp đồng, Công ty D đã bán một số loại dược liệu theo đơn đặt hàng cho Bệnh viện H, Bệnh viện H đã nhận hàng đầy đủ, không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, cách thức giao nhận hàng; Bệnh viện H đã thanh toán một phần tiền hàng cho Công ty D, tuy nhiên việc thanh toán không được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đến ngày 23/01/2015, Công ty D và Bệnh viện H đã đối chiếu công nợ, tính đến ngày 31/12/2014 Bệnh viện H còn nợ Công ty D số tiền là 525.041.950 đồng. Ngày 21/3/2017, 27/4/2017, 14/7/2017 Bệnh viện H trả Công ty D 03 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng là 150.000.000 đồng. Đối trừ công nợ đến nay Bệnh viện H còn nợ Công ty D số tiền mua hàng chưa thanh toán là 375.041.950 đồng.

Ngày 04/10/2013, Công ty Q và Công ty D ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/QH-TW1 về việc mua bán thuốc đông dược năm 2013. Tại Hợp đồng này hai bên đã thống nhất thỏa thuận: Công ty D bán cho Công ty Q các loại thuốc đông dược theo quy định của Bộ y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh trong Bệnh viện, số lượng cụ thể theo từng đơn đặt hàng. Hai bên đã thống nhất về giá, phương

thức thanh toán, trách nhiệm của mỗi bên…hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã thực hiện hợp đồng, Công ty D đã bán một số loại thuốc đông dược theo đơn đặt hàng cho Công ty Q, Công ty Q đã nhận hành đầy đủ, không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, cách thức giao nhận hàng; tuy nhiên Công ty Q không thực hiện việc thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đến ngày 15/02/2014, Công ty D và Công ty Q đã xác nhận công nợ, tính đến ngày 31/12/2013 Công ty Q còn nợ Công ty D số tiền là 2.086.612.228 đồng. Sau đó Công ty D nhiều lần yêu cầu Công ty Q thanh toán các khoản nợ nêu trên nhưng vẫn không được thanh toán. Ngày 14/7/2016 Công ty Q đã ủy quyền bằng văn bản cho Bệnh viện H thay mặt Công ty Q thanh toán khoản nợ trên cho Công ty D. Ngày 14/7/2016, Bệnh viện H có Bản cam kết thanh toán thay cho Công ty Q toàn bộ số tiền mà Công ty Q đang nợ Công ty D trước ngày 31/8/2016, nhưng đến ngày 31/8/2016 Bệnh viện H không thanh toán nợ như đã cam kết. Ngày 29/5/2017, Công ty Q đã trả Công ty D số tiền là 50.000.000 đồng. Đến nay Công ty Q còn nợ Công ty D số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.036.612.228 đồng.

Bệnh viện H đã nhận ủy quyền của Công ty Q và đã cam kết có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền mà Công ty Q còn nợ Công ty D. Do vậy Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải có trách nhiệm thanh toán cả hai khoản nợ của Công ty Q và Bệnh viện H với tổng số nợ mua hàng chưa thanh toán là 2.411.654.178 đồng.

Ngoài ra Công ty D còn yêu cầu Bệnh viện H phải thanh toán lãi chậm trả của hai khoản nợ nêu trên tính đến tháng 11/2017 là 671.030.086 đồng, cụ thể:

Đối với số tiền lãi trên số tiền mà Bệnh viện H mua hàng chưa thanh toán là 130.510.907 đồng, cách tính như sau:

- Tính từ tháng 01/2015 đến tháng 02/2017 là 2, 2 năm:

525.041.950 đồng x 10% x 2, 2 năm = 115.509.229 đồng

- Sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán từ tháng 3/2017 đến tháng 7/2017 thì Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải trả lãi tiếp từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2017 là 0,4 năm:

375.041.950 đồng x 10% x 0,4 năm = 15.001.678 đồng

Đối với số tiền lãi trên số tiền Công ty Q mua hàng chưa thanh toán là 540.519.179 đồng, cách tính như sau**:**

- Tính từ tháng 01/2015 đến tháng 02/2017 là 2,2 năm:

2.086.612.228 đồng x 10% x 2,2 năm = 459.054.690 đồng.

- Sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán từ tháng 3/2017 đến tháng 7/2017 thì Công ty D yêu cầu tính lãi tiếp từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2017 là 0, 4 năm:

2.036.612.228 đồng x 10% x 0,4 năm = 81.464.489 đồng.

Tổng số tiền mua hàng chưa thanh toán và lãi trên số tiền chậm trả tính đến tháng 11/2017 Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải thanh toán là 3.082.684.264 đồng; với phương thức thanh toán ngay, thanh toán 01 lần bằng hình thức chuyển khoản. Bệnh viện H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ do mua hàng chưa thanh toán.

** Tại Biên bản hòa giải, Bản tự trình bày ngày 05/7/2018 đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Bệnh viện H xác nhận quá trình giao kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng, các bên đã chốt công nợ theo hai biên bản:

Biên bản xác nhận công nợ ngày 15/02/2014 Công ty Q còn nợ Công ty D số tiền là 2.086.612.228 đồng. Sau khi chốt nợ Công ty Q đã ủy quyền cho Bệnh viện H trả số tiền này thay cho Công ty Q, Bệnh viện H nhận trả thay và đã thanh toán được 50.000.000 đồng theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 29/5/2017.

Biên bản đối chiếu công nợ ngày 23/01/2015, Bệnh viện H còn nợ số tiền là 525.041.950 đồng. Sau khi chốt nợ, Bệnh viện H đã thanh toán được 150.000.000 đồng theo 03 Giấy ủy nhiệm chi ngày 21/3/2017, 27/4/2017, 14/7/2017.

Tuy nhiên do gặp khó khăn nên đề nghị Công ty D giảm trừ công nợ. Trong quá trình Bệnh viện H và Công ty D làm việc với nhau hai bên chưa chốt được số nợ còn lại vì Công ty D chưa trừ tiền của số hàng Công ty Q và Bệnh viện H đã trả lại. Hiện tại số nợ trên Công ty Q và Bệnh viện H đã tự tính toán đối trừ và chốt số nợ như sau:

- Bệnh viện H còn nợ: 101.624.880 đồng.

- Công ty Q còn nợ: 388.206.131 đồng.

Tổng số tiền còn phải trả là: 489.831.011 đồng.

Đề nghị được trả nợ theo phương thức: Kể từ tháng 7/2018, mỗi tháng chuyển khoản trả 50.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng, đồng thời xin miễn toàn bộ số lãi.

Các tài liệu chứng cứ thể hiện việc trả lại hàng cho Công ty D bên bị đơn sẽ cung cấp sau khi bị đơn đàm phán được với nguyên đơn. Hiện tại bị đơn chưa đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vấn đề này.

* Nguyên đơn không đồng ý với quan điểm của Bệnh viện H; các bên đã có văn bản chốt nợ thì các bên phải thực hiện; từ khi chốt nợ đến nay Công ty Q và Bệnh viện H đã thanh toán cho Công ty D 04 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, ngoài ra không thanh toán thêm khoản tiền nào khác và không có việc trả lại hàng, giảm trừ công nợ như Bệnh viện H trình bày. Công ty D không đồng ý với số tiền mà Bệnh viện H tự chốt và không đồng ý phương án thanh toán nợ mà Bệnh viện H đưa ra.

* Tại phiên tòa Công ty D rút một phần yêu cầu khởi kiện: Công ty D rút yêu cầu buộc Bệnh viện H phải thanh toán khoản nợ của Công ty Q với số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.036.612.228 đồng và lãi chậm trả tính đến tháng 11/2017 là 519.986.390 đồng. Công ty D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Bệnh viện H phải thanh toán số tiền mua hàng chưa thanh toán còn nợ là 375.041.950 đồng và số tiền lãi chậm trả trên số tiền mua hàng chưa thanh toán tính đến tháng 11/2017 là 130.510.907 đồng.

** Tại Công văn số 64/CV-ĐKKD ngày 26/3/2018 phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cung cấp như sau:*

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa H được Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200791817; đăng ký lần đầu ngày 03/3/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/9/2017; địa chỉ trụ sở chính: Số 136 đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật là bà Ngô Thuần O, chức danh Giám đốc; tình trạng doanh nghiệp đang hoạt động.

Công ty Cổ phần Q được Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200468726; đăng ký lần đầu ngày 18/6/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24/4/2017; địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Đông Chấn, phường Nam Sơn, quận K, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Nhinh, chức danh Giám đốc; tình trạng doanh nghiệp đang hoạt động.

Đến nay, Phòng Đăng ký kinh doanh chưa nhận được bất ký tài liệu nào thông báo về việc tạm ngừng hoạt động hay giải thể của các doanh nghiệp trên. Doanh nghiệp nêu trên chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn là Bệnh viện H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Q nhưng đại diện Công ty Q đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của Công ty Q và Công ty Q cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 281, 282, 388, 389, 401, 402, 403, 405, 428, 429, 430, 431432, 433, 434, 438 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 24, Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết 3262016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mực thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H phải trả Công ty Cổ phần D số tiền 505.552.857 đồng; trong đó 375.041.950 đồng là tiền mua hàng chưa thanh toán, 130.510.907 đồng là tiền lãi trên số tiền chậm trả tính đến tháng 11/2017. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H phải thanh toán khoản nợ của Công ty Cổ phần Q là 2.036.612.228 đồng và lãi chậm thanh toán tính đến tháng 11/2017 là 519.986.390 đồng. Buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H phải chịu 24.222.114 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

[1] Ngày 01/11/2013 Bệnh viện H và Công ty D ký Hợp đồng kinh tế số 26/2013/HĐKT về việc cung ứng thuốc y học cổ truyền năm 2013. Ngày 04/10/2013, Công ty Q và Công ty D ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/QH-TW1 về việc mua bán thuốc đông dược năm 2013. Nhưng Bệnh viện H và Công ty Q đều không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 14/7/2016, Công ty Q đã ủy quyền cho Bệnh viện H thanh toán toàn bộ số nợ của Công ty Q cho Công ty D. Bệnh viện H đã nhận ủy quyền nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 26/01/2018, Công ty D đã khởi kiện, yêu cầu Bệnh viện H thanh toán tổng số tiền là 3.082.684.264 đồng (Trong đó số nợ của Bệnh Viện H là 375.041.950 đồng; số nợ của Công ty Q là 2.036.612.228 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến tháng 11/2017 là 671.030.086 đồng).Yêu cầu của Công ty D đã làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng mua bán; các bên tham gia ký kết hợp này đồng đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Bệnh viện H có địa chỉ tại số 136 đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; do vậy Tòa án nhân dân quận thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Bệnh viện H và Công ty Q không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là Bệnh viện H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Q.

- Nội dung vụ án:

[3] Công ty Cổ phần D. được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104037766 đăng ký lần đầu ngày 06/7/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; đại diện theo pháp luật là ông Bùi Đức C, chức danh Giám đốc.

[4] Công ty Cổ phần bệnh viện đa khoa H được Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200791817; đăng ký lần đầu ngày 03/3/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/9/2017; địa chỉ trụ sở chính: Số 136 đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật là bà Ngô Thuần O, chức danh Giám đốc.

[5] Công ty Cổ phần Q được Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200468726; đăng ký lần đầu ngày 18/6/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24/4/2017; địa chỉ trụ sở chính: Số 21 phố Đ, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn N, chức danh Giám đốc.

[6] Ngày 01/11/2013, Bệnh viện H và Công ty D ký Hợp đồng kinh tế số 26/2013/HĐKT về việc cung ứng thuốc y học cổ truyền năm 2013. Tại Hợp đồng kinh tế này hai bên đã thống nhất thỏa thuận: Công ty D bán cho Bệnh viện H các vị thuốc y học cổ truyền đã được chế biến thành thuốc phiến được Bộ y tế cho phép lưu hành trên toàn quốc và đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam VI và tiêu chuẩn cơ sở. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã thực hiện hợp đồng, Công ty D đã bán một số loại dược liệu theo đơn đặt hàng cho Bệnh viện H, nhưng Bệnh viện H đã đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 23/01/2015 Bệnh viện H và Công ty D đã xác nhận tính đến ngày 31/12/2014 Bệnh viện H còn nợ Công ty D số tiền là 525.041.950 đồng; ngày 21/3/2017, 27/4/2017, 14/7/2017 Bệnh viện H đã thanh toán trả Công ty D 03 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng thanh toán là 150.000.000 đồng. Đối trừ công nợ đến nay Bệnh viện H còn nợ Công ty D tiền mua hàng chưa thanh toán là 375.041.950 đồng.

[7] Ngày 04/10/2013, Công ty Q và Công ty D ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/QH-TW1 về việc mua bán thuốc đông dược năm 2013. Hai bên đã thống nhất thỏa thuận: Công ty D bán cho Công ty Q các loại thuốc đông dược theo quy định của Bộ y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh trong Bệnh viện, số lượng cụ thể theo từng đơn đặt hàng. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã thực hiện hợp đồng, Công ty D đã bán một số loại thuốc đông dược theo đơn đặt hàng cho Công ty Q nhưng

Công ty Q không thực hiện việc thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng; tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 15/02/2014 Công ty Q và Công ty D đã xác nhận tính đến ngày 31/12/2013 Công ty Q còn nợ Công ty D số tiền là 2.086.612.228 đồng; tại Giấy ủy quyền ngày 14/7/2016, Công ty Q đã ủy quyền cho Bệnh viện H thay mặt Công ty Q thanh toán toàn bộ công nợ trên cho Công ty D; tại Bản cam kết ngày 14/7/2016 Bệnh viện H cam kết thanh toán thay cho Công ty Q toàn bộ số tiền mà Công ty Q đang nợ Công ty D trước ngày 31/8/2016, nhưng đến ngày 31/8/2016 Bệnh viện H không thanh toán nợ như đã cam kết. Ngày 29/5/2017, Công ty Q đã trả Công ty D 50.000.000 đồng. Đến nay Công ty Q còn nợ Công ty D tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.036.612.228 đồng.

[8] Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải có phải thanh toán cả hai khoản nợ của Công ty Q và Công ty H với tổng số nợ mua hàng chưa thanh toán là 2.411.654.178 đồng.

[9] Ngoài ra Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải thanh toán lãi chậm trả của hai khoản nợ nêu trên tính đến tháng 11/2018 là 671.030.086 đồng.

[10] Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải thanh toán tổng số tiền mua hàng chưa thanh toán và lãi chậm trả tính đến tháng 11/2017 là 3.082.684.264 đồng; với phương thức thanh toán ngay, thanh toán 01 lần, bằng hình thức chuyển khoản. Bệnh viện H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

[11] Tại Biên bản hòa giải và Bản tự trình bày ngày 05/7/2018, Bệnh viện H thống nhất với nội dung ký kết và thực hiện hợp đồng mà Công ty D trình bày. Tuy nhiên do gặp nhiều khó khăn nên Bệnh viện H đề nghị Công ty D giảm trừ công nợ và trừ tiền của số hàng Công ty Q và Bệnh viện H đã trả lại. Hiện tại số nợ trên Bệnh viện H đã tự tính toán đối trừ và chốt số nợ như sau: Bệnh viện H còn nợ số tiền là 101.624.880 đồng, Công ty Q còn nợ số tiền là 388.206.131 đồng; tổng số tiền còn phải trả là: 489.831.011 đồng. Bệnh viện H đề nghị được trả nợ theo phương thức: Kể từ tháng 7/2018, mỗi tháng chuyển khoản 50.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng, đồng thời xin miễn toàn bộ số lãi.

[12] Công ty D không đồng ý với quan điểm của Bệnh viện H, Công ty D xác định từ khi chốt nợ đến nay Công ty Q đã thanh toán trả Công ty D 50.000.000 đồng; Bệnh viện H đã thanh toán trả Công ty D 150.000.000 đồng, ngoài ra không thanh toán thêm khoản tiền nào khác và không có việc trả lại hàng, giảm trừ công nợ như đại diện bị đơn trình bày và không đồng ý với phương thức thanh toán nợ mà Bệnh viện H đưa ra.

[13] Tại phiên tòa Công ty D rút một phần yêu cầu khởi kiện: Công ty D rút yêu cầu buộc Bệnh viện H phải thanh toán khoản nợ của Công ty Cổ phần Q với số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.036.612.228 đồng và lãi chậm trả tính đến tháng 11/2017 là 519.986.390 đồng. Công ty D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Bệnh viện H phải thanh toán số tiền Bệnh viện H mua hàng chưa thanh toán là 375.041.950 đồng và số tiền lãi chậm trả trên số tiền chưa thanh toán tính đến tháng 11/2017 là 130.510.907 đồng; tổng là 505.552.857 đồng.

- Về tư cách tham gia tố tụng:

[14] Do Bệnh viện H không thực hiện việc thanh toán như đã thỏa thuận nên ngày 26/01/2018 Công ty D đã khởi kiện yêu cầu Bệnh viện H phải thực hiện nghĩa vụ thành toán theo hợp đồng mua bán hai bên đã thỏa thuận và có trách nhiệm thanh toán khoản nợ của Công ty Q đã ủy quyền cho Bệnh viện H trả thay. Do vậy Công ty D tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, Bệnh viện H tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, Công ty Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên Công ty D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ của Công ty Q do vậy Công ty Q không còn tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

- Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[15] Tại phiên tòa Công ty D rút một phần yêu cầu khởi kiện; Công ty D rút yêu cầu buộc Bệnh viện H phải thanh toán khoản nợ của Công ty Q với số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.036.612.228 đồng và lãi chậm trả tính đến tháng 11/2017 là 519.986.390 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên của Công ty D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Bệnh viện H phải thanh toán khoản nợ của Công ty Q với số tiền mua hàng chưa thanh toán là 2.036.612.228 đồng và lãi chậm trả tính đến tháng 11/2017 là 519.986.390 đồng; nếu sau này Công ty D khởi kiện lại và thời hiệu vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Công ty D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

- Xem xét Hợp đồng kinh tế số 26/2013/HĐKT ngày 01/11/2013 được ký kết giữa Công ty D với Bệnh viện H:

[16] Những người tham gia ký kết hợp đồng số 26/2013/HĐKT ngày 01/11/2013 đều có năng lực hành vi dân sự, đều có thẩm quyền ký kết, ký kết trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được lập thành văn bản theo đúng quy định tại các điều 388, 389, 401, 402, 403, 405, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 24 Luật Thương mại năm 2005. Do vậy Hợp đồng mua bán này là Hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn là Bệnh viện H phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ là 375.041.950 *đồng:*

[17] Trong Hợp đồng kinh tế số 26/2013/HĐKT ngày 01/11/2013 giữa Công ty D với Bệnh viện H, các bên đã thống nhất thỏa thuận về giá, chất lượng, phương thức giao - nhận hàng, địa điểm giao hàng, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên…Sau khi ký kết hợp đồng bên bán đã giao hàng cho bên mua theo đơn đặt hàng, tuy nhiên bên mua đã không thực hiện việc thanh toán như đã thỏa thuận; đã vi phạm quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Tại Điều 50 Luật Thương mại quy định: *"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và*

nhận hàng theo thỏa thuận. 2. Bên mua phải tuân thủ các phương thưc thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật."

[18] Hợp đồng mua bán hai bên đã thỏa thuận thời gian thanh toán là "Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 60 ngày kể từ khi bên A nhận đủ hàng hóa và hóa đơn tài chính" Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty D đã giao hàng cho Bệnh viện H từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2014 nhưng đến nay Bệnh viện H vẫn chưa thanh toán xong tiền mua hàng, Bệnh viện H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 297 Luật Thương mại năm 2005 thì Công ty D có quyền yêu cầu Bệnh viện H phải thực hiện đúng hợp đồng. Đối với yêu cầu buộc Bệnh viện H phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 375.041.950 đồng theo Biên bản chốt nợ ngày 23/01/2015 và sau khi đã trừ đi các khoản tiền mà Bệnh viện H đã thanh toán là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận, đây cũng là quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận tại phiên tòa.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn là Bệnh viện H phải thanh toán số tiền lãi chậm trả là 130.510.907 đồng:

[19] Trong Hợp đồng kinh tế số 26/2013/HĐKT ngày 01/11/2013 giữa Công ty D với Bệnh viện H không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán; Biên bản đối chiếu công nợ chỉ ghi nhận khoản nợ mua hàng chưa thanh toán mà không đề cập đến nghĩa vụ trả lãi khi chậm thanh toán; tuy nhiên theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *" Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả."*

[20] Do đó Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải thanh toán khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ thời điểm hai bên chốt nợ với mức lãi suất 10%/tháng là phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử của ba ngân hàng tại địa phương là 13,17%/năm (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 15,75%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 12,75%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 11,25 %/năm).

[21] Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải thanh toán lãi chậm trả với cách tính cụ thể là:

- Tính từ tháng 01/2015 đến tháng 02/2017 là 2, 2 năm:

525.041.950 đồng x 10% x 2, 2 năm = 115.509.229 đồng

- Sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán từ tháng 3/2017 đến tháng 7/2017 thì Công ty D yêu cầu Bệnh viện H phải trả lãi tiếp từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2017 là 0,4 năm:

375.041.950 đồng x 10% x 0,4 năm = 15.001.678 đồng

Với cách tính lãi nêu trên Công ty D buộc Bệnh viện H phải thanh toán 130.510.907 đồng tiền lãi chậm trả trên số tiền mua hàng chưa thanh toán là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

- Đối với việc Bệnh viện H không chấp nhận số tiền mà Công ty D yêu cầu thanh toán là 375.041.950 đồng:

[22] Bệnh viện H xác định Bệnh viện H chỉ còn nợ Công ty D tổng số tiền là 101.624.880 đồng nhưng Bệnh viện H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình là đúng và có căn cứ pháp luật do vậy không có cơ sở để chấp nhận.

- Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mực thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí trong vụ án này được giải quyết như sau:

[23] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[24] Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Bệnh viện H phải thanh toán khoản nợ của Công ty Q là 2.036.612.228 đồng và lãi chậm trả tính đến tháng 11/2017 là 519.986.390 đồng nên Công ty D không phải chịu án phí đối với các yêu cầu đã đình chỉ giải quyết.

[25] Trả lại Công ty D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.400.000 đồng.

[26] Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền án phí cụ thể như sau:

20.000.000 + {(505.552.857 – 400.000.000) x 4%} = 24.222.114 đồng.

- Về quyền kháng cáo bản án:

[27] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 280, 281, 282, 388, 389, 401, 402, 403, 405, 428, 429, 430, 431432, 433, 434, 438 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết 3262016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mực thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H phải trả Công ty Cổ phần D số tiền 505.552.857 đồng (Năm trăm linh năm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng); trong đó 375.041.950 đồng (Ba trăm bảy mươi năm triệu không trăm bốn mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng) là tiền mua hàng chưa thanh toán, 130.510.907 đồng (Một trăm ba mươi triệu năm trăm mươi nghìn chín trăm linh bảy đồng) là tiền lãi trên số tiền chậm trả tính đến tháng 11/2017.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương) tại thời điểm thanh toán, tương tứng với thời gian chập trả theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H phải thanh toán khoản nợ của Công ty Cổ phần Q là 2.036.612.228 đồng và lãi chậm thanh toán tính đến tháng 11/2017 là 519.986.390 đồng.

Về án phí:

Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H phải chịu 24.222.114 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm mười bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.400.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010455 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận , thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần D. được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa H, Công ty Cổ phần Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận ;
- Chi cục THA dân sự quận ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương